

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động
khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính
phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ khoản 1 Điều 1, Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Xét Tờ trình số 10463/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến
công địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra số 271/BC-KTNS
ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức
chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Điều 2. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung,
bãi bỏ hoặc thay thế thì áp dụng các quy định theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay
thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: CT, TC;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- VP: TU, ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm THDL và CDS tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Phúc



QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Kèm theo Nghị quyết số 383/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Các hoạt động khuyến công thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố Bảo Lộc, các xã thuộc thành phố Đà Lạt, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Nội dung và mức chi các hoạt động khuyến công

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề cho người lao động: Thực hiện theo danh mục nghề đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

c) Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Nghị quyết số 307/2024/NQ-HĐND ngày 12

tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng.

d) Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp: Mức chi thực hiện theo Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

2. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật (gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp): Mức chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập (gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật): Mức chi hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật): Mức chi hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

5. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đối với mô hình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 500 triệu đồng, thuộc địa bàn ưu tiên hoặc ngành nghề ưu tiên theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; khoản 5, 6 và 7 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT: Mức chi hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

6. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước (gồm: Chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Mức chi hỗ trợ 50% chi phí.

7. Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước: Mức chi hỗ trợ 50% giá thuê gian hàng.

8. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài (gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Mức chi hỗ trợ 50% chi phí.

9. Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh: Mức chi hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: 02 triệu đồng/sản phẩm đạt giải cấp huyện; 03 triệu đồng/sản phẩm đạt giải cấp tỉnh.

10. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn: Mức chi hỗ trợ không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

11. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn (trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới): Mức chi hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

12. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương (mức chi được thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt): Mức chi hỗ trợ 100% chi phí.

13. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp huyện và cấp tỉnh: Mức chi hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp huyện; 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

14. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp: Mức chi hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 80 triệu đồng/cụm liên kết.

15. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư) đối với các khoản vay để đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ (việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước

hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam): Mức chi hỗ trợ tối đa 50% lãi suất trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

16. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng kinh phí để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu (thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi phí công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi phí thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có)): Mức chi tối đa 1,5% tổng kinh phí khuyến công hàng năm.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công. .vũ
